

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HOÁ  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 2063 /QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày 14 tháng 9 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công nhận danh sách Sinh viên đạt CĐR Tiếng Anh đối với Sinh viên  
thi ngày 09,10,11/9/2022 tại Trường Đại học Hồng Đức năm học 2021-2022

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

Căn cứ Quyết định số 03/QĐ-HĐT ngày 24/6/2020 của Hội đồng Trường Đại học Hồng Đức ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 493/QĐ-ĐHHĐ ngày 03/4/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định thi đánh giá năng lực ngoại ngữ theo KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 1711/QĐ-ĐHHĐ ngày 25/10/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc Quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam đối với sinh viên tốt nghiệp đại học, cao đẳng hệ chính quy chuyên ngữ và không chuyên ngữ, học viên tốt nghiệp Thạc sĩ, tiến sĩ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 1834/QĐ-ĐHHĐ ngày 22/8/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc thành lập Ban chỉ đạo và các Tiểu ban giúp việc kỳ thi đánh giá chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho Học viên, Sinh viên hệ chính quy năm học 2022-2023;

Căn cứ vào kết quả chuẩn đầu ra Tiếng Anh thi ngày 09,10,11 tháng 9 năm 2022;

Xét đề nghị của Trường phòng ĐBCL&KT.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận 300 Sinh viên đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh kỳ thi Đánh giá năng lực ngoại ngữ theo khung 6 bậc dùng cho Việt Nam tại Trường Đại học Hồng Đức, đợt thi ngày 09,10,11/9/2022 (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Kết quả đạt chuẩn đầu ra Tiếng Anh trên được sử dụng để xét điều kiện công nhận tốt nghiệp.

**Điều 3.** Trường các đơn vị có liên quan và các Sinh viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, P. ĐBCL&KT.





**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠT CHUẨN ĐẦU RA TIẾNG ANH**

(theo Quyết định số 2063/QĐ-ĐHHĐ ngày 14/9/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

Ngày thi: 09,10,11/9/2022

| TT | Mã SV      | Họ lót         | tên   | Ngày sinh  | Viết | Đọc | Nghe | Nói | TB  | Ghi chú |
|----|------------|----------------|-------|------------|------|-----|------|-----|-----|---------|
| 1  | 207902C002 | Lê Thị         | Ca    | 03.09.1975 | 4,0  | 5,0 | 2,5  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 2  | 217900C555 | Nguyễn Lê Hải  | Anh   | 04.03.1997 | 5,5  | 6,5 | 3,5  | 5,0 | 5,0 | x       |
| 3  | 207902C501 | Nguyễn Thị     | Bình  | 20.10.1986 | 5,5  | 6,0 | 5,0  | 4,0 | 5,0 | x       |
| 4  | 207902C700 | Phạm Ngọc      | Cương | 11.10.1984 | 4,0  | 4,0 | 3,0  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 5  | 207902Đ501 | Nguyễn Trung   | Cường | 13.07.1996 | 5,5  | 8,0 | 4,0  | 5,0 | 5,5 | x       |
| 6  | 207902C503 | Lê Trần        | Cường | 02.09.1968 | 4,0  | 5,0 | 3,5  | 4,5 | 4,5 | x       |
| 7  | 207902T501 | Phạm Văn       | Cường | 16.03.1980 | 4,0  | 4,0 | 2,0  | 5,0 | 4,0 | x       |
| 8  | 218902C600 | Hoàng Văn      | Cường | 16.08.1988 | 4,0  | 4,0 | 3,0  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 9  | 207902C506 | Trịnh Đạt      | Dũng  | 13.06.1978 | 4,0  | 4,0 | 3,0  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 10 | 207902C701 | Phạm Tiến      | Dũng  | 10.02.1980 | 4,0  | 3,5 | 2,5  | 5,5 | 4,0 | x       |
| 11 | 207902T502 | Vũ Đình        | Duy   | 22.04.1985 | 4,0  | 4,0 | 3,5  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 12 | 217900D569 | Nguyễn Thị Anh | Duyên | 10/11/1997 | 5,0  | 5,5 | 3,5  | 5,0 | 5,0 | x       |
| 13 | 207902C702 | Hoàng Văn      | Dương | 30.06.1991 | 4,5  | 5,0 | 2,0  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 14 | 217902C502 | Nghiêm Văn     | Đại   | 07.03.1986 | 4,5  | 3,5 | 3,0  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 15 | 207902C703 | Hoàng Văn      | Đào   | 16.03.1976 | 4,0  | 5,0 | 3,0  | 5,0 | 4,5 | x       |
| 16 | 217902C503 | Nguyễn Huy     | Định  | 12.12.1988 | 3,0  | 4,5 | 2,5  | 5,5 | 4,0 | x       |
| 17 | 207902C507 | Lưu Thị        | Giang | 06.10.1983 | 4,0  | 3,0 | 4,0  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 18 | 207902C508 | Nguyễn Thị Thu | Hà    | 20.10.1972 | 4,0  | 3,0 | 3,0  | 5,0 | 4,0 | x       |
| 19 | 207902C509 | Trịnh Thị      | Hiền  | 23.10.1981 | 4,0  | 4,5 | 3,5  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 20 | 207902T700 | Lê Xuân        | Hiền  | 23.02.1983 | 4,0  | 3,5 | 3,5  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 21 | 217902C504 | Lê Ngọc        | Hiếu  | 21.04.1997 | 4,0  | 4,0 | 3,5  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 22 | 207902C704 | Vũ Thị         | Hoa   | 12.11.1984 | 4,0  | 6,5 | 3,5  | 4,0 | 4,5 | x       |
| 23 | 207902C705 | Nguyễn Văn     | Hòa   | 01.01.1984 | 4,0  | 4,0 | 3,0  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 24 | 217902C505 | Phạm Văn       | Hợp   | 30.10.1969 | 3,0  | 5,0 | 3,0  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 25 | 207902C706 | Đỗ Thị         | Huệ   | 28.01.1974 | 4,0  | 4,0 | 3,0  | 5,0 | 4,0 | x       |
| 26 | 207902C707 | Vũ Tuấn        | Hùng  | 15.12.1976 | 4,0  | 3,5 | 3,0  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 27 | 217902T502 | Lê Việt        | Hùng  | 03.11.1984 | 3,5  | 5,5 | 3,5  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 28 | 218902C601 | Nguyễn Văn     | Hùng  | 20/03/1972 | 4,0  | 3,0 | 4,0  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 29 | 207902T701 | Lương Hữu      | Huy   | 13.08.1978 | 6,0  | 3,5 | 2,5  | 3,0 | 4,0 | x       |
| 30 | 207902C708 | Trần Văn       | Hưng  | 11.06.1979 | 4,0  | 3,0 | 4,5  | 3,5 | 4,0 | x       |
| 31 | 207902C510 | Lê Trung       | Kiên  | 25.12.1981 | 3,0  | 3,5 | 3,0  | 5,5 | 4,0 | x       |
| 32 | 207902C709 | Lang Văn       | Khoán | 02.03.1981 | 4,0  | 3,0 | 4,0  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 33 | 207902C710 | Trần Đình      | Lập   | 09.06.1988 | 4,0  | 6,5 | 2,0  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 34 | 217902C506 | Cao Văn        | Liêng | 10.05.1968 | 2,5  | 2,5 | 3,0  | 7,0 | 4,0 | x       |



| TT | Mã SV      | Họ lót       | tên    | Ngày sinh  | Viết | Đọc | Nghe | Nói | TB  | Ghi chú |
|----|------------|--------------|--------|------------|------|-----|------|-----|-----|---------|
| 35 | 207902C511 | Trịnh Văn    | Linh   | 22.09.1987 | 5,0  | 4,5 | 3,0  | 5,5 | 4,5 | x       |
| 36 | 217902C527 | Mai Tiến     | Linh   | 23.05.1978 | 1,0  | 5,5 | 2,5  | 6,0 | 4,0 | x       |
| 37 | 207902C711 | Lưu Thành    | Long   | 15.09.1977 | 3,0  | 4,0 | 3,0  | 5,0 | 4,0 | x       |
| 38 | 207902C712 | Trịnh Hùng   | Long   | 03.09.1978 | 4,0  | 3,5 | 3,5  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 39 | 207902C713 | Nguyễn Thị   | Mai    | 23.11.1988 | 4,5  | 2,0 | 4,5  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 40 | 207902T703 | Đỗ Xuân      | Minh   | 20.10.1981 | 1,0  | 3,5 | 2,5  | 8,0 | 4,0 | x       |
| 41 | 207902C512 | Phạm Văn     | Nam    | 12.10.1979 | 2,0  | 5,0 | 3,5  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 42 | 187801C002 | Phan Cao     | Cường  | 20.07.1979 | 4,0  | 6,5 | 4,5  | 7,0 | 5,5 | x       |
| 43 | 207902T704 | Lê Văn       | Nam    | 20.07.1982 | 3,0  | 4,5 | 3,5  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 44 | 207902C715 | Phạm Đức     | Nghĩa  | 01.11.1978 | 4,0  | 4,0 | 2,0  | 6,5 | 4,0 | x       |
| 45 | 217902C526 | Lê Văn       | Nghĩa  | 18.01.1984 | 4,0  | 4,0 | 2,5  | 5,0 | 4,0 | x       |
| 46 | 207902C716 | Lê Phi       | Nguyên | 13.08.1980 | 5,0  | 2,5 | 3,5  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 47 | 207902C514 | Lê Việt      | Phong  | 22.12.1981 | 4,0  | 2,5 | 3,0  | 5,5 | 4,0 | x       |
| 48 | 189402V001 | Trần Trọng   | Phúc   | 15.05.1989 | 4,0  | 3,5 | 4,0  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 49 | 207902C717 | Yên Hùng     | Phương | 06.02.1971 | 4,5  | 2,5 | 4,5  | 5,0 | 4,0 | x       |
| 50 | 209103V701 | Nguyễn Khánh | Phượng | 08.03.1990 | 2,0  | 7,5 | 3,5  | 5,0 | 4,5 | x       |
| 51 | 207902C718 | Nguyễn Văn   | Quyết  | 10.07.1980 | 4,0  | 2,0 | 3,5  | 5,5 | 4,0 | x       |
| 52 | 217902C510 | Nguyễn Ngọc  | Tâm    | 13.03.1976 | 4,0  | 4,0 | 3,0  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 53 | 207902C720 | Bùi Thị      | Tinh   | 20.02.1983 | 4,5  | 4,0 | 4,0  | 4,5 | 4,5 | x       |
| 54 | 207902C719 | Vũ Thị       | Tính   | 02.10.1984 | 4,5  | 3,0 | 3,5  | 6,0 | 4,5 | x       |
| 55 | 207902C515 | Trương Văn   | Tùng   | 10.02.1980 | 5,0  | 3,0 | 3,0  | 6,0 | 4,5 | x       |
| 56 | 207902C721 | Trịnh Văn    | Tuyên  | 10.04.1980 | 5,0  | 4,0 | 4,0  | 6,5 | 5,0 | x       |
| 57 | 207902C516 | Lê Văn       | Thanh  | 15.05.1986 | 5,0  | 8,5 | 2,0  | 5,5 | 5,5 | x       |
| 58 | 218902C602 | Lê Thị       | Thanh  | 01/03/1985 | 5,0  | 5,5 | 2,5  | 6,0 | 5,0 | x       |
| 59 | 217902C513 | Trần Xuân    | Thành  | 17.12.1977 | 4,5  | 2,5 | 3,5  | 6,0 | 4,0 | x       |
| 60 | 217902C514 | Bùi Đức      | Thành  | 12.11.1972 | 3,0  | 4,5 | 3,5  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 61 | 207401C513 | Phạm Trung   | Thành  | 21.09.1991 | 4,5  | 4,5 | 4,5  | 4,0 | 4,5 | x       |
| 62 | 217902C515 | Phạm Văn     | Thắng  | 20.06.1979 | 4,0  | 4,5 | 3,5  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 63 | 207902C722 | Lương Văn    | Thìn   | 12.10.1978 | 4,5  | 4,0 | 3,0  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 64 | 207902C723 | Trịnh Quốc   | Thịnh  | 02.06.1981 | 4,5  | 4,0 | 2,5  | 6,0 | 4,5 | x       |
| 65 | 217902C516 | Văn Doãn     | Thống  | 10.12.1974 | 4,0  | 4,0 | 3,0  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 66 | 207902C724 | Lê Thị       | Thu    | 04.07.1981 | 4,5  | 3,0 | 4,0  | 5,0 | 4,0 | x       |
| 67 | 207902C518 | Nguyễn Văn   | Thuận  | 10.03.1981 | 4,5  | 4,0 | 2,0  | 6,0 | 4,0 | x       |
| 68 | 207902C725 | Lê Đức       | Thuận  | 02.06.1980 | 4,0  | 4,5 | 3,0  | 5,0 | 4,0 | x       |
| 69 | 217902C517 | Cao Thị      | Thủy   | 27.02.1976 | 3,0  | 6,0 | 1,5  | 7,0 | 4,5 | x       |
| 70 | 217902C518 | Nguyễn Xuân  | Thúy   | 15.03.1978 | 3,0  | 4,5 | 1,5  | 6,0 | 4,0 | x       |
| 71 | 207902C726 | Trần Văn     | Thuyền | 20.03.1979 | 4,5  | 3,5 | 3,0  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 72 | 217902C519 | Nguyễn Thị   | Thương | 12.09.1991 | 4,0  | 4,5 | 3,0  | 5,0 | 4,0 | x       |
| 73 | 207902C727 | Ngô Thị      | Trâm   | 08.02.1991 | 4,0  | 4,0 | 4,0  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 74 | 217902C520 | Phạm Văn     | Trung  | 11.09.1982 | 4,0  | 6,0 | 2,5  | 4,5 | 4,5 | x       |



| TT  | Mã SV      | Họ lót          | tên    | Ngày sinh  | Viết | Đọc | Nghe | Nói | TB  | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------|--------|------------|------|-----|------|-----|-----|---------|
| 75  | 207902C519 | Hà Đình         | Trường | 10.11.1972 | 3,5  | 5,0 | 3,0  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 76  | 217902C523 | Lê Đình         | Vân    | 06.09.1969 | 4,0  | 4,0 | 3,5  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 77  | 217902C524 | Đào Quang       | Việt   | 14.10.1970 | 4,5  | 5,5 | 3,0  | 4,5 | 4,5 | x       |
| 78  | 217902C525 | Nguyễn Ngọc     | Vinh   | 22.12.1982 | 4,5  | 1,5 | 3,0  | 6,5 | 4,0 | x       |
| 79  | 197103C811 | Đình Xuân       | Tùng   | 03.08.1992 | 4,5  | 6,0 | 4,5  | 4,0 | 5,0 | x       |
| 80  | 207801D700 | Hàn Việt        | Anh    | 16.12.1983 | 7,0  | 5,0 | 3,5  | 4,5 | 5,0 | x       |
| 81  | 207801D702 | Lê Hoàng        | Anh    | 03.09.1993 | 5,5  | 4,0 | 3,0  | 6,0 | 4,5 | x       |
| 82  | 207801D704 | Lê Nhân         | Cường  | 10.08.1983 | 6,0  | 5,5 | 3,0  | 6,0 | 5,0 | x       |
| 83  | 207801D706 | Nguyễn Văn      | Du     | 12.02.1992 | 5,5  | 6,5 | 3,0  | 5,0 | 5,0 | x       |
| 84  | 207801D707 | Mai Thùy        | Dung   | 26.02.1983 | 4,5  | 4,5 | 2,0  | 6,0 | 4,5 | x       |
| 85  | 207801Đ505 | Hoàng Văn       | Dũng   | 2.1.1994   | 5,0  | 3,0 | 3,0  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 86  | 207801T700 | Đào Văn         | Dũng   | 04.04.1988 | 6,0  | 4,5 | 3,0  | 6,5 | 5,0 | x       |
| 87  | 207801D708 | Nguyễn Thị Hồng | Duyên  | 30.06.1984 | 7,0  | 7,0 | 4,0  | 7,0 | 6,5 | x       |
| 88  | 207801C501 | Lò Văn          | Đính   | 16.12.1989 | 4,5  | 5,5 | 3,0  | 5,5 | 4,5 | x       |
| 89  | 207801D709 | Nguyễn Đình     | Đông   | 27.08.1983 | 6,0  | 7,5 | 4,5  | 6,5 | 6,0 | x       |
| 90  | 207801Đ506 | Lưu Huyền       | Đức    | 20.02.1996 | 5,5  | 6,5 | 5,0  | 7,0 | 6,0 | x       |
| 91  | 207801Đ507 | Nguyễn Tài      | Đức    | 2.4.1988   | 5,0  | 5,0 | 2,5  | 5,0 | 4,5 | x       |
| 92  | 207801Đ509 | Nguyễn Thị Thu  | Hà     | 30.10.1988 | 6,5  | 7,5 | 4,5  | 7,5 | 6,5 | x       |
| 93  | 207801Đ510 | Nguyễn Thị      | Hạnh   | 1.4.1981   | 5,0  | 6,0 | 3,5  | 6,0 | 5,0 | x       |
| 94  | 207801D713 | Đoàn Thị        | Hằng   | 28.08.1985 | 6,5  | 4,5 | 4,0  | 5,0 | 5,0 | x       |
| 95  | 207801D745 | Lại Thị Thu     | Hằng   | 20.08.1995 | 5,0  | 6,5 | 4,5  | 7,0 | 6,0 | x       |
| 96  | 207801T702 | Trương Văn      | Hoa    | 15.06.1980 | 5,5  | 3,5 | 1,5  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 97  | 207801D714 | Lê Thị          | Hòa    | 10.05.1990 | 5,5  | 6,0 | 4,5  | 7,5 | 6,0 | x       |
| 98  | 207801Đ511 | Bùi Văn         | Hoàng  | 04.8.1981  | 6,0  | 2,0 | 3,0  | 5,0 | 4,0 | x       |
| 99  | 207801Đ512 | Lưu Trần        | Hoàng  | 28.04.1983 | 5,5  | 7,0 | 2,5  | 6,0 | 5,5 | x       |
| 100 | 207801D715 | Lê Đăng         | Hoàng  | 10.10.1984 | 5,0  | 3,5 | 4,5  | 6,5 | 5,0 | x       |
| 101 | 207901T718 | Trịnh Thị       | Hợp    | 02.06.1990 | 6,0  | 6,5 | 3,0  | 6,0 | 5,5 | x       |
| 102 | 207801C701 | Lê Xuân         | Hùng   | 26.06.1994 | 5,5  | 2,0 | 3,0  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 103 | 207801Đ516 | Lưu Quốc        | Huy    | 23.11.1991 | 5,0  | 6,0 | 3,0  | 5,0 | 5,0 | x       |
| 104 | 207801D717 | Đỗ Thị          | Huyền  | 13.07.1986 | 6,0  | 9,0 | 2,0  | 6,0 | 6,0 | x       |
| 105 | 207801Đ517 | Lê Văn          | Hưng   | 25.01.1984 | 4,5  | 3,5 | 3,5  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 106 | 207801Đ518 | Ngô Thị         | Hương  | 28.01.1977 | 6,5  | 3,0 | 3,0  | 5,5 | 4,5 | x       |
| 107 | 187901T554 | Phạm Thị        | Khuyên | 28.01.1991 | 5,5  | 7,5 | 3,5  | 4,0 | 5,0 | x       |
| 108 | 207801Đ520 | Nguyễn Thị      | Lê     | 10.9.1985  | 6,5  | 2,5 | 3,5  | 4,5 | 4,5 | x       |
| 109 | 207801Đ521 | Nguyễn Thị      | Liễu   | 18.11.1988 | 7,0  | 5,0 | 3,5  | 4,5 | 5,0 | x       |
| 110 | 207801Đ522 | Lê Ngọc         | Linh   | 20.10.1983 | 6,0  | 4,5 | 4,5  | 5,0 | 5,0 | x       |
| 111 | 207801T704 | Dương Ngọc      | Linh   | 18.04.1989 | 5,5  | 2,5 | 2,5  | 5,5 | 4,0 | x       |
| 112 | 207801T705 | Phạm Ngọc       | Long   | 02.05.1988 | 5,5  | 3,5 | 2,5  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 113 | 207801Đ526 | Nguyễn Văn      | Mạnh   | 26.03.1981 | 5,0  | 4,0 | 4,0  | 4,0 | 4,5 | x       |
| 114 | 207801Đ527 | Hoàng Việt      | Minh   | 11.2.1982  | 5,0  | 2,5 | 4,0  | 4,0 | 4,0 | x       |



| TT  | Mã SV      | Họ lót           | tên    | Ngày sinh  | Viết | Đọc | Nghe | Nói | TB  | Ghi chú |
|-----|------------|------------------|--------|------------|------|-----|------|-----|-----|---------|
| 115 | 207801T502 | Lê Đức           | Minh   | 13.3.1997  | 5,0  | 6,5 | 4,5  | 4,0 | 5,0 | x       |
| 116 | 207801Đ528 | Vũ Thị           | Nam    | 25.10.1988 | 5,5  | 7,0 | 4,0  | 4,5 | 5,5 | x       |
| 117 | 207801T706 | Nguyễn Hoài      | Nam    | 15.08.1995 | 4,0  | 4,5 | 4,0  | 4,5 | 4,5 | x       |
| 118 | 207801Đ531 | Lại Thị          | Ngọc   | 12.2.1995  | 6,0  | 6,0 | 4,0  | 6,5 | 5,5 | x       |
| 119 | 207801Đ533 | Hoàng Thị        | Nhung  | 14.11.1989 | 5,0  | 3,5 | 3,5  | 5,0 | 4,5 | x       |
| 120 | 207801Đ534 | Hoàng Thị        | Nhung  | 4.7.1985   | 5,5  | 7,0 | 4,0  | 4,5 | 5,5 | x       |
| 121 | 207801D729 | Lê Thị Phương    | Nhung  | 12.03.1984 | 5,5  | 4,0 | 2,5  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 122 | 207801D730 | Nguyễn Thị       | Oanh   | 01.08.1977 | 6,5  | 3,0 | 2,5  | 5,5 | 4,5 | x       |
| 123 | 207801D731 | Lê Thị           | Phương | 15.10.1989 | 4,0  | 3,5 | 2,5  | 5,5 | 4,0 | x       |
| 124 | 207801C702 | Lê Xuân          | Phượng | 10.08.1965 | 3,5  | 4,0 | 3,5  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 125 | 207801D732 | Lê Ngọc          | Quý    | 02.12.1989 | 5,0  | 4,0 | 3,5  | 4,5 | 4,5 | x       |
| 126 | 207801D734 | Hoàng Thị Diễm   | Quỳnh  | 11.08.1991 | 6,5  | 7,0 | 4,5  | 7,0 | 6,5 | x       |
| 127 | 207801Đ535 | Nguyễn Hoàng     | Sinh   | 19.02.1984 | 5,0  | 6,0 | 4,5  | 4,5 | 5,0 | x       |
| 128 | 207801Đ536 | Nguyễn Xuân      | Son    | 10.5.1971  | 6,0  | 2,5 | 3,5  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 129 | 207801D735 | Văn Đình         | Tài    | 03.05.1985 | 4,0  | 6,0 | 2,0  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 130 | 207308T003 | Võ Tiến          | Tâm    | 17.11.1973 | 2,0  | 4,5 | 3,0  | 5,5 | 4,0 | x       |
| 131 | 207801Đ539 | Nguyễn Đức       | Toàn   | 15.03.1986 | 6,0  | 8,5 | 7,0  | 5,5 | 7,0 | x       |
| 132 | 207801T506 | Nguyễn Thanh     | Tùng   | 17.08.1994 | 4,0  | 6,0 | 3,0  | 4,0 | 4,5 | x       |
| 133 | 207801D736 | Nguyễn Tuấn      | Tường  | 30.05.1972 | 6,0  | 4,5 | 3,0  | 4,0 | 4,5 | x       |
| 134 | 207801T507 | Phạm Hữu         | Thạch  | 27.07.1988 | 5,0  | 5,5 | 4,5  | 4,0 | 5,0 | x       |
| 135 | 207801Đ542 | Lê Thị           | Thanh  | 4.2.1983   | 5,5  | 4,0 | 2,0  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 136 | 207801D737 | Nguyễn Hà        | Thanh  | 21.04.1983 | 5,5  | 3,5 | 2,0  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 137 | 207801Đ544 | Lê Phương        | Thảo   | 25.06.1976 | 6,0  | 6,5 | 5,0  | 6,0 | 6,0 | x       |
| 138 | 207801Đ545 | Lâm Ngọc         | Thắng  | 15.02.1980 | 6,0  | 5,5 | 3,5  | 4,0 | 5,0 | x       |
| 139 | 207801D739 | Mai Xuân         | Thế    | 20.10.1976 | 6,0  | 4,0 | 3,0  | 5,0 | 4,5 | x       |
| 140 | 207801Đ546 | Nguyễn Văn       | Thiện  | 20.01.1987 | 7,0  | 5,0 | 3,0  | 6,5 | 5,5 | x       |
| 141 | 207801Đ548 | Bùi Thị          | Thủy   | 15.10.1989 | 6,5  | 8,5 | 3,0  | 6,0 | 6,0 | x       |
| 142 | 207801Đ549 | Dương Thị        | Thủy   | 30.03.1980 | 7,5  | 3,5 | 3,0  | 6,0 | 5,0 | x       |
| 143 | 207801C502 | Nguyễn Thị       | Thủy   | 10.5.1984  | 6,0  | 9,0 | 1,5  | 5,0 | 5,5 | x       |
| 144 | 207801Đ550 | Phạm Thị         | Thúy   | 2.11.1986  | 6,5  | 7,0 | 4,5  | 6,0 | 6,0 | x       |
| 145 | 207801T508 | Lê Bá            | Thức   | 10.10.1993 | 5,5  | 6,5 | 3,5  | 4,0 | 5,0 | x       |
| 146 | 207801D741 | Lương Thị        | Trà    | 06.02.1983 | 4,0  | 6,5 | 2,0  | 6,0 | 4,5 | x       |
| 147 | 207801Đ551 | Đỗ Thị Quỳnh     | Trang  | 4.5.1985   | 7,5  | 6,0 | 3,0  | 5,5 | 5,5 | x       |
| 148 | 207801Đ552 | Hoàng Thị        | Trang  | 20.08.1991 | 7,5  | 4,5 | 4,5  | 4,5 | 5,5 | x       |
| 149 | 207801Đ553 | Lô Thị           | Trang  | 15.09.1988 | 5,5  | 5,0 | 4,5  | 5,0 | 5,0 | x       |
| 150 | 207801C703 | Nguyễn Thị Huyền | Trang  | 02.05.1987 | 3,5  | 4,0 | 3,5  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 151 | 207801D744 | Phạm Thị Tuyết   | Vân    | 02.09.1986 | 3,5  | 6,5 | 3,5  | 5,5 | 5,0 | x       |
| 152 | 207801T707 | Lê Thị           | Vân    | 20.10.1987 | 3,5  | 2,5 | 3,0  | 6,0 | 4,0 | x       |
| 153 | 207801T556 | Mai Thị Hà       | Vi     | 9.6.1996   | 6,0  | 4,0 | 4,0  | 4,5 | 4,5 | x       |
| 154 | 207801T509 | Mai Thị          | Xuân   | 25.04.1991 | 5,5  | 7,0 | 3,0  | 4,0 | 5,0 | x       |



| TT  | Mã SV      | Họ lót          | tên    | Ngày sinh  | Viết | Đọc | Nghe | Nói | TB  | Ghi chú |
|-----|------------|-----------------|--------|------------|------|-----|------|-----|-----|---------|
| 155 | 207801Đ558 | Vũ Thị          | Yến    | 5.5.1987   | 6,0  | 5,0 | 3,5  | 4,5 | 5,0 | x       |
| 156 | 207801T708 | Đỗ Thị          | Yến    | 23.02.1985 | 4,0  | 4,0 | 3,0  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 157 | 218401T600 | Lê Thị Thúy     | An     | 20.02.1988 | 5,0  | 5,5 | 3,5  | 4,0 | 4,5 | x       |
| 158 | 207801T001 | Bùi Văn         | Anh    | 29.07.1992 | 6,0  | 5,5 | 5,0  | 3,5 | 5,0 | x       |
| 159 | 218401D600 | Trịnh Thị       | Bích   | 19.09.1981 | 5,0  | 5,0 | 4,0  | 7,5 | 5,5 | x       |
| 160 | 217401C502 | Hoàng Thị Thanh | Bình   | 13.06.1998 | 4,0  | 8,5 | 5,0  | 4,5 | 5,5 | x       |
| 161 | 207900C704 | Lê Thị          | Cảnh   | 11.10.1976 | 4,0  | 5,5 | 3,5  | 6,5 | 5,0 | x       |
| 162 | 217801D502 | Trương Anh      | Dũng   | 12.02.1997 | 5,0  | 7,5 | 6,0  | 7,5 | 6,5 | x       |
| 163 | 217801C501 | Hoàng Thị Thùy  | Dương  | 07.05.1992 | 5,0  | 7,0 | 3,0  | 5,0 | 5,0 | x       |
| 164 | 217401D506 | Nguyễn Thị Thu  | Hà     | 28.07.1985 | 6,0  | 7,0 | 2,0  | 6,0 | 5,5 | x       |
| 165 | 218401C603 | Lê Thanh        | Hà     | 19.08.1988 | 6,0  | 7,0 | 3,5  | 7,0 | 6,0 | x       |
| 166 | 187801T003 | Trương Thị      | Hà     | 15.5.1978  | 3,5  | 3,5 | 3,5  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 167 | 217401D508 | Nguyễn Minh     | Hải    | 20.10.1981 | 5,0  | 7,0 | 2,5  | 5,0 | 5,0 | x       |
| 168 | 207801T002 | Vũ Văn          | Hải    | 10.10.1980 | 5,0  | 5,5 | 3,0  | 3,5 | 4,5 | x       |
| 169 | 218401T605 | Hoàng Thị       | Hằng   | 05.05.1982 | 6,0  | 5,5 | 3,0  | 4,0 | 4,5 | x       |
| 170 | 217801D506 | Lê Thị          | Hoa    | 12.11.1981 | 5,0  | 3,5 | 3,5  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 171 | 217801D507 | Trương Trọng    | Hòa    | 15.05.1989 | 5,5  | 7,5 | 3,5  | 4,5 | 5,5 | x       |
| 172 | 207801C002 | Lương Thị       | Hoài   | 21.03.1989 | 6,5  | 6,5 | 3,5  | 2,5 | 5,0 | x       |
| 173 | 217801D508 | Đào Xuân        | Hoàng  | 06.02.1996 | 7,0  | 5,5 | 2,0  | 6,0 | 5,0 | x       |
| 174 | 217801D509 | Nguyễn Thị      | Hồng   | 02.07.1983 | 5,5  | 3,0 | 2,0  | 5,0 | 4,0 | x       |
| 175 | 169401V510 | Lê Thị          | Hồng   | 08.10.1979 | 3,5  | 4,5 | 2,0  | 5,0 | 4,0 | x       |
| 176 | 217801D510 | Cao Xuân        | Hùng   | 08.04.1983 | 5,0  | 5,0 | 3,5  | 5,0 | 4,5 | x       |
| 177 | 207801C003 | Mai Văn         | Hưng   | 30.04.1989 | 6,0  | 7,0 | 4,0  | 4,0 | 5,5 | x       |
| 178 | 169401V501 | Vũ Thị          | Hương  | 20.7.1990  | 3,0  | 2,5 | 3,5  | 6,0 | 4,0 | x       |
| 179 | 217401C510 | Nguyễn Văn      | Khánh  | 30.10.1993 | 4,5  | 5,0 | 5,0  | 4,0 | 4,5 | x       |
| 180 | 218401D605 | La Thị          | Lan    | 10.10.1982 | 4,0  | 8,5 | 4,0  | 5,5 | 5,5 | x       |
| 181 | 217401C512 | Lê Thị          | Linh   | 15.02.1999 | 4,5  | 7,5 | 5,5  | 3,0 | 5,0 | x       |
| 182 | 217401T503 | Lê Thị Mai      | Linh   | 16.08.2000 | 6,5  | 7,5 | 4,5  | 4,0 | 5,5 | x       |
| 183 | 217801D514 | Lê Văn          | Linh   | 25.12.1990 | 4,5  | 7,5 | 2,0  | 6,5 | 5,0 | x       |
| 184 | 217801D515 | Nguyễn T. Thùy  | Linh   | 04.06.1983 | 5,5  | 6,5 | 3,5  | 4,0 | 5,0 | x       |
| 185 | 218401D608 | Trịnh Thị       | Loan   | 10.03.1991 | 4,0  | 8,5 | 3,0  | 7,5 | 6,0 | x       |
| 186 | 217801D516 | Lê Tiến         | Luân   | 10.05.1989 | 3,5  | 5,5 | 2,5  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 187 | 217401C514 | Nguyễn Trọng    | Lực    | 17.11.1981 | 6,0  | 4,0 | 5,5  | 7,0 | 5,5 | x       |
| 188 | 217801D517 | Lê Thị          | Lý     | 10.08.1975 | 5,0  | 3,5 | 3,0  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 189 | 218401C613 | Nguyễn Thị      | Mai    | 22.07.1991 | 5,5  | 4,5 | 4,5  | 7,0 | 5,5 | x       |
| 190 | 217401D525 | Lê Thị          | Na     | 02.09.1994 | 5,0  | 8,0 | 4,0  | 4,0 | 5,5 | x       |
| 191 | 217401D513 | Hòa Văn         | Ngân   | 14.02.1993 | 6,0  | 8,0 | 9,0  | 8,0 | 8,0 | x       |
| 192 | 217401C518 | Nguyễn Thị      | Ngọc   | 03.10.1999 | 4,5  | 7,5 | 4,0  | 2,5 | 4,5 | x       |
| 193 | 217801D518 | Nguyễn Thị      | Nguyệt | 10.07.1991 | 7,5  | 6,0 | 3,5  | 6,0 | 6,0 | x       |
| 194 | 217801D519 | Nguyễn Thị Linh | Nhâm   | 11.05.1986 | 5,5  | 2,5 | 3,0  | 4,0 | 4,0 | x       |



| TT  | Mã SV      | Họ lót         | tên    | Ngày sinh  | Viết | Đọc | Nghe | Nói | TB  | Ghi chú |
|-----|------------|----------------|--------|------------|------|-----|------|-----|-----|---------|
| 195 | 207801T003 | Nguyễn Minh    | Nhân   | 28.01.1990 | 5,0  | 5,0 | 3,5  | 4,5 | 4,5 | x       |
| 196 | 217801D520 | Trần Thị       | Oanh   | 10.10.1985 | 4,0  | 5,5 | 5,5  | 6,5 | 5,5 | x       |
| 197 | 217401C521 | Nguyễn Lan     | Phương | 16.12.1999 | 5,5  | 7,0 | 5,0  | 4,0 | 5,5 | x       |
| 198 | 207801C005 | Hà Thị         | Sâm    | 23.05.1997 | 6,0  | 7,0 | 5,0  | 4,0 | 5,5 | x       |
| 199 | 207801T004 | Lại Thế        | Son    | 20.10.1978 | 4,0  | 3,0 | 2,5  | 5,5 | 4,0 | x       |
| 200 | 217801T506 | Chu Văn        | Son    | 07.07.1977 | 5,5  | 5,0 | 4,0  | 3,5 | 4,5 | x       |
| 201 | 207801C006 | Lê Minh        | Tâm    | 20.08.1991 | 6,0  | 3,5 | 4,0  | 4,0 | 4,5 | x       |
| 202 | 217801D523 | Phạm Bá        | Toàn   | 15.08.1987 | 5,5  | 7,0 | 4,0  | 5,0 | 5,5 | x       |
| 203 | 217801C504 | Trần Trọng     | Toàn   | 15.02.1989 | 5,5  | 6,0 | 4,0  | 4,0 | 5,0 | x       |
| 204 | 217401T506 | Phạm Quang     | Thành  | 06.10.1995 | 7,0  | 8,5 | 4,5  | 3,0 | 6,0 | x       |
| 205 | 217801D525 | Lê Xuân        | Thảo   | 11.11.1990 | 5,5  | 4,0 | 3,5  | 4,0 | 4,5 | x       |
| 206 | 218401C617 | Lê Thị         | Thùy   | 20.06.1988 | 5,5  | 8,5 | 4,5  | 6,0 | 6,0 | x       |
| 207 | 217801D526 | Lê Thị         | Thùy   | 02.09.1984 | 5,5  | 4,0 | 4,0  | 4,0 | 4,5 | x       |
| 208 | 217801D527 | Hồ Thị         | Thùy   | 18.06.1985 | 5,5  | 4,5 | 3,0  | 4,0 | 4,5 | x       |
| 209 | 207801T006 | Lê Bá          | Thường | 29.06.1996 | 5,0  | 3,5 | 2,0  | 5,0 | 4,0 | x       |
| 210 | 217401C527 | Trần Thị       | Trang  | 21.08.1999 | 6,0  | 7,0 | 4,0  | 3,0 | 5,0 | x       |
| 211 | 217801D528 | Lê Văn         | Tri    | 20.07.1988 | 5,5  | 5,0 | 5,0  | 7,0 | 5,5 | x       |
| 212 | 207801T007 | Phạm Đăng      | Trọng  | 10.10.1978 | 7,0  | 4,5 | 3,0  | 4,0 | 4,5 | x       |
| 213 | 217401D523 | Phạm Minh      | Trung  | 10.03.1990 | 5,0  | 6,5 | 6,0  | 3,0 | 5,0 | x       |
| 214 | 217401C529 | Nguyễn Thị Tố  | Uyên   | 05.08.1995 | 7,0  | 8,5 | 5,0  | 4,5 | 6,5 | x       |
| 215 | 217801D529 | Phạm Thị       | Vân    | 03.04.1990 | 5,0  | 5,0 | 4,5  | 6,0 | 5,0 | x       |
| 216 | 207801T009 | Nguyễn Hà      | Vũ     | 15.10.1991 | 4,5  | 7,5 | 3,0  | 4,5 | 5,0 | x       |
| 217 | 217801D531 | Phạm Thị       | Xuân   | 09.04.1986 | 5,5  | 5,0 | 4,0  | 5,5 | 5,0 | x       |
| 218 | 197801T801 | Hoàng Nam      | Anh    | 01.10.1988 | 5,5  | 3,5 | 4,5  | 6,0 | 5,0 | x       |
| 219 | 197801T802 | Nguyễn Thị Vân | Anh    | 03.10.1994 | 5,5  | 4,5 | 3,0  | 6,5 | 5,0 | x       |
| 220 | 217801D603 | Lê Văn         | Ánh    | 06.04.1987 | 5,5  | 5,0 | 3,0  | 6,0 | 5,0 | x       |
| 221 | 197801T803 | Trương Ngọc    | Ánh    | 26.12.1989 | 5,5  | 4,5 | 3,0  | 6,0 | 5,0 | x       |
| 222 | 197801T805 | Nguyễn Kiên    | Cường  | 25.07.1987 | 4,5  | 5,5 | 2,5  | 5,5 | 4,5 | x       |
| 223 | 217801D604 | Lê Văn         | Cường  | 10.10.1976 | 6,0  | 3,5 | 3,0  | 6,0 | 4,5 | x       |
| 224 | 197801T804 | Nguyễn Phó     | Cương  | 07.01.1989 | 5,5  | 2,5 | 3,0  | 5,0 | 4,0 | x       |
| 225 | 217801D605 | Chung Văn      | Chí    | 02.09.1986 | 5,0  | 8,0 | 3,0  | 5,5 | 5,5 | x       |
| 226 | 217801D606 | Nguyễn Văn     | Chung  | 07.06.1993 | 5,0  | 7,5 | 3,5  | 6,0 | 5,5 | x       |
| 227 | 217801D607 | Trần Thị       | Chuyên | 20.05.1989 | 5,0  | 5,5 | 3,0  | 6,0 | 5,0 | x       |
| 228 | 197801T806 | Hoàng Văn      | Diễn   | 01.02.1984 | 5,0  | 2,5 | 3,0  | 5,5 | 4,0 | x       |
| 229 | 217801D608 | Đỗ Hồng        | Diệp   | 09.09.1991 | 6,0  | 5,0 | 4,5  | 6,5 | 5,5 | x       |
| 230 | 217101C501 | Phạm Công      | Dũng   | 10/04/1978 | 5,5  | 3,5 | 3,0  | 6,0 | 4,5 | x       |
| 231 | 197801T807 | Lê Anh         | Dũng   | 20.05.1991 | 6,0  | 5,5 | 3,0  | 5,5 | 5,0 | x       |
| 232 | 197801T808 | Tạ Bá          | Duy    | 27.04.1986 | 6,0  | 4,0 | 2,0  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 233 | 217101C502 | Nguyễn Văn     | Dương  | 15/10/1978 | 5,5  | 4,5 | 3,0  | 6,0 | 5,0 | x       |
| 234 | 217101C503 | Phạm Ngọc      | Đạo    | 01/05/1980 | 6,0  | 2,0 | 2,0  | 6,0 | 4,0 | x       |



| TT  | Mã SV      | Họ lót           | tên    | Ngày sinh  | Viết | Đọc | Nghe | Nói | TB  | Ghi chú |
|-----|------------|------------------|--------|------------|------|-----|------|-----|-----|---------|
| 235 | 197801T809 | Ngọc Văn         | Đồng   | 14.02.1987 | 5,0  | 4,0 | 4,5  | 5,5 | 5,0 | x       |
| 236 | 197801T810 | Lê Thanh         | Hải    | 18.04.1990 | 6,0  | 9,0 | 3,5  | 4,5 | 6,0 | x       |
| 237 | 197801T811 | Nguyễn Thị Minh  | Hải    | 12.08.1991 | 5,5  | 7,5 | 2,0  | 5,0 | 5,0 | x       |
| 238 | 197801T812 | Phạm Văn         | Hải    | 06.05.1998 | 4,5  | 6,5 | 2,0  | 6,0 | 5,0 | x       |
| 239 | 217101C504 | Nguyễn Thị       | Hằng   | 03/10/1995 | 6,0  | 4,5 | 4,5  | 6,5 | 5,5 | x       |
| 240 | 217801D611 | Nguyễn Thị       | Hằng   | 10.09.1993 | 5,5  | 5,0 | 3,5  | 6,5 | 5,0 | x       |
| 241 | 217101C505 | Lê Thị           | Hậu    | 15/06/1984 | 5,5  | 4,0 | 3,0  | 6,0 | 4,5 | x       |
| 242 | 197801T813 | Lê Văn           | Hiên   | 17.10.1993 | 5,0  | 5,5 | 2,5  | 5,0 | 4,5 | x       |
| 243 | 217101C506 | Nguyễn Hoàng     | Hiệp   | 21/02/1974 | 5,5  | 6,0 | 3,5  | 6,0 | 5,5 | x       |
| 244 | 197801T814 | Lê Minh          | Hiệu   | 23.06.1992 | 5,0  | 6,0 | 2,5  | 7,0 | 5,0 | x       |
| 245 | 197801T815 | Nguyễn Thanh     | Hoa    | 07.09.1991 | 6,0  | 5,5 | 3,0  | 6,0 | 5,0 | x       |
| 246 | 197801T816 | Nguyễn Thị Thanh | Hoà    | 17.11.1991 | 5,5  | 5,0 | 3,0  | 4,0 | 4,5 | x       |
| 247 | 217801D612 | Lê Thị           | Hoà    | 03.03.1987 | 5,5  | 5,0 | 3,0  | 4,0 | 4,5 | x       |
| 248 | 197801T817 | Nguyễn Ngọc      | Huân   | 18.10.1986 | 4,5  | 5,0 | 2,5  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 249 | 217801D613 | Lê Thị Thu       | Huế    | 10.09.1986 | 6,0  | 7,5 | 4,0  | 6,5 | 6,0 | x       |
| 250 | 197801T818 | Phan Bá          | Hùng   | 07.02.1992 | 4,5  | 5,0 | 2,5  | 3,5 | 4,0 | x       |
| 251 | 197801T819 | Phạm Ngọc        | Huyền  | 09.04.1986 | 5,5  | 4,0 | 3,0  | 3,0 | 4,0 | x       |
| 252 | 197801T820 | Trần Thị         | Huyền  | 15.11.1988 | 5,5  | 6,5 | 2,5  | 4,0 | 4,5 | x       |
| 253 | 197801T821 | Đỗ Văn           | Hưng   | 20.06.1990 | 7,0  | 2,5 | 3,0  | 2,5 | 4,0 | x       |
| 254 | 217101D501 | Nguyễn Thị Mai   | Hương  | 12/04/1988 | 6,0  | 7,0 | 3,5  | 7,0 | 6,0 | x       |
| 255 | 217801D614 | Nguyễn Duy       | Khải   | 03.10.1987 | 6,0  | 4,5 | 2,0  | 6,0 | 4,5 | x       |
| 256 | 197801T822 | Nguyễn Phi       | Khanh  | 28.06.1986 | 6,0  | 5,0 | 2,0  | 2,5 | 4,0 | x       |
| 257 | 197801T823 | Trịnh Ngọc       | Khánh  | 10.02.1990 | 5,5  | 3,0 | 2,0  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 258 | 197801T824 | Trần Văn         | Lâm    | 09.09.1988 | 5,0  | 6,5 | 4,5  | 3,5 | 5,0 | x       |
| 259 | 197801T825 | Nguyễn văn       | Linh   | 10.08.1987 | 6,5  | 3,0 | 3,0  | 2,5 | 4,0 | x       |
| 260 | 217801D615 | Trần Thị         | Loan   | 15.07.1983 | 6,5  | 4,0 | 3,0  | 4,0 | 4,5 | x       |
| 261 | 197801T826 | Nguyễn Doãn      | Long   | 25.05.1987 | 6,0  | 5,5 | 2,0  | 3,5 | 4,5 | x       |
| 262 | 197801T827 | Lê Thành         | Long   | 11.9.1991  | 5,0  | 7,0 | 2,0  | 3,5 | 4,5 | x       |
| 263 | 197801T828 | Ngô Thanh        | Long   | 28.08.1992 | 6,0  | 8,5 | 3,0  | 5,0 | 5,5 | x       |
| 264 | 197801T829 | Lê Thị           | Lợi    | 15.12.1991 | 5,0  | 9,5 | 3,0  | 4,5 | 5,5 | x       |
| 265 | 218801P601 | Lê Đình          | Luận   | 07.05.1996 | 5,5  | 9,5 | 3,0  | 4,5 | 5,5 | x       |
| 266 | 217801D616 | Lê Thị           | Mai    | 26.09.1986 | 6,0  | 6,5 | 5,0  | 4,0 | 5,5 | x       |
| 267 | 207801D724 | Nguyễn Văn       | Mạnh   | 10.6.1984  | 4,0  | 7,0 | 5,5  | 7,0 | 6,0 | x       |
| 268 | 197801T830 | Lê Ngọc          | Mùi    | 10.10.1991 | 5,0  | 5,5 | 3,0  | 6,0 | 5,0 | x       |
| 269 | 217101C507 | Lê Bá            | Nam    | 14/04/1980 | 5,5  | 2,5 | 4,0  | 7,5 | 5,0 | x       |
| 270 | 217801C600 | Nguyễn Hữu       | Nam    | 11.11.1992 | 4,0  | 6,0 | 3,0  | 5,0 | 4,5 | x       |
| 271 | 197801T831 | Lê Đình          | Nam    | 18.06.1991 | 5,5  | 9,0 | 2,0  | 4,0 | 5,0 | x       |
| 272 | 217801T603 | Nguyễn Trọng     | Phong  | 01.10.2003 | 5,0  | 5,0 | 3,5  | 4,0 | 4,5 | x       |
| 273 | 217101C508 | Nguyễn Thị Thu   | Phương | 27/11/1977 | 5,5  | 4,0 | 3,0  | 7,0 | 5,0 | x       |
| 274 | 197801T832 | Nguyễn Duy       | Phương | 08.07.1986 | 5,5  | 5,5 | 3,0  | 4,5 | 4,5 | x       |



| TT  | Mã SV      | Họ lót         | tên    | Ngày sinh  | Viết | Đọc | Nghe | Nói | TB  | Ghi chú |
|-----|------------|----------------|--------|------------|------|-----|------|-----|-----|---------|
| 275 | 197801T833 | Nguyễn Văn     | Phuong | 12.07.1981 | 5,0  | 2,5 | 3,5  | 4,5 | 4,0 | x       |
| 276 | 218801P602 | Lê Huy         | Quỳnh  | 19.05.1991 | 6,0  | 5,0 | 3,5  | 6,0 | 5,0 | x       |
| 277 | 217801C601 | Vũ Ngọc        | Son    | 27.02.1993 | 6,0  | 6,0 | 3,0  | 6,5 | 5,5 | x       |
| 278 | 197801T834 | Trương Tiến    | Sỹ     | 07.03.1989 | 6,0  | 6,0 | 3,0  | 3,5 | 4,5 | x       |
| 279 | 197801T835 | Trịnh Thị      | Tâm    | 09.07.1994 | 6,5  | 6,0 | 4,0  | 6,0 | 5,5 | x       |
| 280 | 197801T836 | Nguyễn Nhật    | Tân    | 06.09.1991 | 6,0  | 3,5 | 3,0  | 4,0 | 4,0 | x       |
| 281 | 217801D618 | Chu Văn        | Tiến   | 12.08.1988 | 6,0  | 6,0 | 4,5  | 5,5 | 5,5 | x       |
| 282 | 197801T837 | Trần Thị       | Tinh   | 20.04.1982 | 5,0  | 9,0 | 4,0  | 3,5 | 5,5 | x       |
| 283 | 217101C509 | Lê Minh        | Toán   | 03/08/1976 | 5,5  | 4,0 | 3,0  | 7,0 | 5,0 | x       |
| 284 | 207801Đ540 | Nguyễn Anh     | Toàn   | 10/08/1987 | 6,0  | 8,5 | 3,5  | 4,5 | 5,5 | x       |
| 285 | 217101C512 | Lê Anh         | Tuấn   | 25/10/1985 | 5,5  | 5,5 | 2,5  | 7,0 | 5,0 | x       |
| 286 | 217801D621 | Lê Quang       | Tùng   | 03.09.1994 | 6,0  | 5,5 | 4,0  | 6,0 | 5,5 | x       |
| 287 | 197801T838 | Nguyễn Văn     | Tùng   | 07.05.1992 | 5,5  | 3,5 | 4,5  | 4,0 | 4,5 | x       |
| 288 | 217801D622 | Lê Thị         | Tuyết  | 12.06.1975 | 6,0  | 6,0 | 3,0  | 4,5 | 5,0 | x       |
| 289 | 217801T604 | Phạm Hồng      | Tứ     | 12.08.1980 | 6,0  | 7,0 | 4,5  | 7,0 | 6,0 | x       |
| 290 | 197801T839 | Mai Văn        | Thành  | 19.08.1987 | 5,5  | 7,5 | 2,0  | 3,5 | 4,5 | x       |
| 291 | 197801T840 | Bùi Hoàng      | Thao   | 29.11.1982 | 4,5  | 4,5 | 5,5  | 3,5 | 4,5 | x       |
| 292 | 197801T841 | Nguyễn Trường  | Thắng  | 07.08.1986 | 6,5  | 6,5 | 4,5  | 5,0 | 5,5 | x       |
| 293 | 217801D623 | Lê Văn         | Thụ    | 18.05.1986 | 5,5  | 4,5 | 3,5  | 6,0 | 5,0 | x       |
| 294 | 217801C603 | Nguyễn Thị     | Thùy   | 05.10.1991 | 5,5  | 6,0 | 3,0  | 6,0 | 5,0 | x       |
| 295 | 197801T842 | Vũ Thái        | Thuy   | 12.10.1984 | 6,0  | 5,5 | 1,5  | 3,5 | 4,0 | x       |
| 296 | 217101C510 | Lê Thị         | Thủy   | 12/12/1976 | 6,0  | 5,0 | 3,0  | 7,0 | 5,5 | x       |
| 297 | 217101C511 | Nguyễn Thị     | Thủy   | 08/05/1978 | 6,0  | 4,5 | 2,0  | 6,5 | 5,0 | x       |
| 298 | 217801D624 | Nguyễn Thị     | Trang  | 06.10.1992 | 4,0  | 6,5 | 5,0  | 8,0 | 6,0 | x       |
| 299 | 217801D625 | Nguyễn Thị Thu | Trang  | 25.01.1984 | 6,0  | 6,5 | 3,0  | 7,0 | 5,5 | x       |
| 300 | 197801T843 | Trần Huyền     | Trang  | 30.10.1987 | 5,5  | 6,5 | 3,0  | 4,0 | 5,0 | x       |

An định danh sách có 300 sinh viên đạt chuẩn đầu ra tiếng Anh./.

*(Handwritten signature)*

**TRƯỞNG BAN CHỈ ĐẠO  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Hoàng Nam**